

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2025

Về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt.

2. Bà Lý Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2024/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 03/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 1969 (có mặt)

Bị đơn: Ông Tống Quốc V, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Trụ sở: Ấp C, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng C (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2020, xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày

03/12/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Huỳnh Ngọc Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Tr và ông Tống Quốc V cưới nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/6/2022. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V thường có xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Tr và mẹ ruột của bà Tr. Do không thể tiếp tục chịu đựng được những hành vi bạo lực gia đình của ông Việt nên bà Tr xin được ly hôn với ông Việt.

- Về con chung: Bà Tr và ông V có 02 người con chung tên Tống Ngọc Hường, sinh năm 2002 và Tống Ngọc Nhân, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà Tr và ông Việt có tạo lập được 01 căn nhà chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 12,5 mét, tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn nhà được xây dựng trên phần đất do bà Huỳnh Ngọc Tr đứng tên. Nguồn gốc đất được mẹ ruột bà Tr tặng cho, có diện tích 519,9 m². Về tiền để xây dựng căn nhà là được Nhà nước cho 50.000.000 đồng và cá nhân bà Tr bù vào 50.000.000 đồng. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được nhận căn nhà, bà Tr đồng ý giao lại cho ông V số tiền là 50.000.000 đồng. Đến ngày 08/01/2025 bà Tr có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản, để bà Tr và ông V tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà Tr và ông Việt còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng số tiền 16.000.000 đồng. Khi ly hôn bà Tr tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách.

Bị đơn Ông Tống Quốc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Việt và bà Tr cưới nhau vào năm 2001, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Yên. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông Việt thừa nhận trong lúc nóng giận có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Tr. Nay bà Tr xin ly hôn ông Việt cũng đồng ý.

- Về con chung: Ông V và bà Tr có 02 người con chung như bà Tr đã trình bày. Các con đã trưởng thành nên ông Việt không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Ông Việt không có yêu cầu về chia tài sản chung, khi nào có tiền nộp tạm ứng án phí ông Việt sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án

giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn. Về số nợ Ngân hàng chính sách là 16.000.000 đồng do bà Tre vay, bà Tre cam kết chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên ông Việt không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2024 người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội là bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên trình bày:

Ngày 14/01/2023 Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng có cho bà Huỳnh Ngọc Tre vay số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, trong quá trình vay bà Tre có trả nợ gốc theo phân kỳ và đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Hiện tại bà Tre còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền là 16.000.000 đồng và không vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng chính sách xã hội thống nhất để bà Tre tự chịu trách nhiệm trả nợ theo số vay vốn và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/4/2024; Đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung ngày 03/12/2024; Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung; Bản sao trích lục kết hôn của bà Huỳnh Ngọc Tre và ông Tống Quốc Việt; Đơn trình bày của bà Huỳnh Ngọc Tre; Tờ cam kết ngày 25/9/2024 của ông Tống Quốc Việt có nội dung ông Việt cam kết không thực hiện hành vi bạo lực gia đình đối với bà Tre; 02 bản sao giấy khai sinh tên Tống Ngọc Hường và Tống Ngọc Nhân; Bản sao giấy chứng nhận QSD đất do bà Huỳnh Ngọc Tre đứng tên; Đơn xin xác nhận nơi bị đơn cư trú.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội cung cấp: Giấy ủy quyền tham gia tố tụng; Bản sao sổ vay vốn của bà Huỳnh Ngọc Tre; Đơn xin vắng mặt của bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Huỳnh Ngọc Tre với ông Tống Quốc Việt là hợp, trong thời gian chung sống bà Tre và ông Việt thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, theo bà Tre trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Việt thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Tre. Tại phiên tòa và bản cam kết ngày 25/9/2024 ông Việt cũng thừa nhận là trong thời gian chung sống ông Việt nhiều lần bạo lực gia đình đối với bà Tre. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã

phân tích động viên hàn gắn, nhưng bà Tre kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống hôn nhân giữa bà Tre với ông Việt không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông Việt cũng đồng ý ly hôn với bà Tre. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tre với ông Việt.

[2]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Tr và ông V trình bày là vợ chồng có 02 người con chung tên Tống Ngọc Hường, sinh năm 2002 và Tống Ngọc Nhân, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành nên bà Tre và ông Việt không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/12/2024 bà Tre trình bày vợ chồng có tài sản chung là căn nhà có chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 12,5 mét, tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Tiền xây dựng căn nhà khoảng 100.000.000 đồng (trong đó được nhà nước hỗ trợ 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng là do bà Tre bù vào). Khi ly hôn bà Tre yêu cầu được nhận căn nhà và đồng ý giao lại cho ông Việt số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 08/01/2025 bà Tr có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung để bà Tre và ông Việt tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, bà Tre và ông Việt đều không có yêu cầu chia tài sản chung, để bà Tre và ông Việt tự thỏa thuận. Nhận thấy, việc bà Tre xin rút lại yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tre về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà có chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 12,5 mét, tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Sau khi ly hôn, nếu bà Tre và ông Việt không thỏa thuận được việc chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn.

Về phần nợ chung: Theo bà Tre trình bày thì bà Tre và ông Việt còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng số tiền là 16.000.000 đồng, số nợ này bà Tre cam kết tự đứng ra trả, không yêu cầu ông Việt phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Ông Việt cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng là bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên cũng thống nhất để cho bà Tre tự đứng ra trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội và

không có yêu cầu gì đối với số nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với số tiền này.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc Tre phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000703 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Huỳnh Ngọc Tre được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp (để yêu cầu chia tài sản chung) là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000782 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Huỳnh Ngọc Tre với ông Tống Quốc Việt.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc Tre và ông Tống Quốc Việt có 02 người con chung tên Tống Ngọc Hường, sinh năm 2002 và Tống Ngọc Nhân, sinh năm 2004. Các con đã trưởng thành nên bà Tre và ông Việt không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Huỳnh Ngọc Tre đối với tài sản chung là căn nhà có chiều ngang 4,5 mét, chiều dài 12,5 mét, tọa lạc tại ấp Cạn Ngọn, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc Tre phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Ngọc Tre đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000703 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Huỳnh Ngọc Tre được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp (để yêu cầu chia tài sản) là

1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000782 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh